

Số: 001/QĐ-TMNMN

Nhà Bè, ngày 02 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Trường Mầm non Mạ Non**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÀM NON MẠ NON

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân
sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ
Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15
tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với
đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của
Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm
2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn
2022-2026 đối với trường Mầm non Mạ Non.*

*Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của
Ủy Ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách
năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Huyện.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của
Trường Mầm non Mạ Non (đính kèm dự toán thu - chi ngân sách năm 2023).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, Bộ phận kế toán và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Phòng TC - KH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS. *h*



HIỆU TRƯỞNG

h
Huỳnh Mộng Ngọc

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON MẠ NON**

Chương: 622

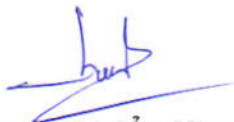
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 001/QĐ-TMNMN của Trường Mầm non Mạ Non ngày 02 tháng 01 năm 2023 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm Non Mạ Non

Đơn vị tính: đồng

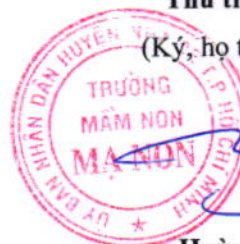
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Dự toán thu (Nguồn 13)	4.619.357.000
	Nguồn thu ngân sách cấp theo QĐ số 2356/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	4.619.357.000
	Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	4.619.357.000
II	Dự toán chi (Nguồn 13)	4.619.357.000
	Chi từ nguồn thu ngân sách cấp theo QĐ số 2356/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	4.619.357.000
1	Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	4.558.397.000
	Chi lương và các khoản phụ cấp	3.441.707.468
	Chi các khoản đóng góp	448.476.299
	Thanh toán dịch vụ công cộng	230.400.000
	Vật tư văn phòng	80.000.000
	Thông tin liên lạc	9.920.000
	Chi thuê mướn	48.000.000
	Chi mua sắm, sửa chữa	205.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành	80.000.000
	Chi khác	14.893.233
2	Tiết kiệm 10% hoạt động TX chi CCTL (nguồn 14)	60.960.000

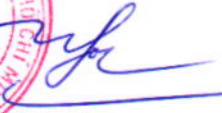
Kế toán
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Cẩm Nhung

Nhà Bè, ngày 02 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)




Huỳnh Mộng Ngọc

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON MẠ NON

Chương: 622

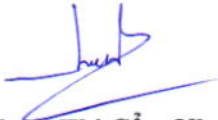
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 001/QĐ-TMNMN của Trường Mầm non Mạ Non ngày 02 tháng 01 năm 2023 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm Non Mạ Non

Đơn vị tính: đồng

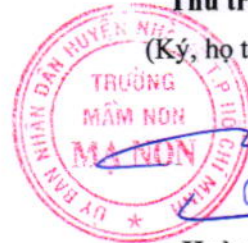
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Dự toán thu (Nguồn 14)	2.749.720.000
1	Kinh phí CCTL năm 2022 chuyển sang 2023 (nguồn 14)	152.000.000
2	Nguồn thu ngân sách cấp theo QĐ số 2356/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	2.396.000.000
3	10% tiết kiệm thường xuyên năm 2023	60.960.000
4	Nguồn CCTL năm 2023 (nguồn thu sự nghiệp)	140.760.000
II	Dự toán chi (Nguồn 14)	2.749.720.000
	Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	2.749.720.000
	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ03/2018/NQ-HĐND	2.749.720.000

Kế toán
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Cẩm Nhung

Nhà Bè, ngày 02 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Mộng Ngọc

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON MẠ NON

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 001/QĐ-TMNMN của Trường Mầm non Mạ Non ngày 02 tháng 01 năm 2023 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm Non Mạ Non

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Dự toán thu (Nguồn 12)	205.000.000
	Nguồn thu ngân sách cấp theo QĐ số 2356/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	205.000.000
	Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	205.000.000
	Dự toán chi (Nguồn 12)	205.000.000
	Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	205.000.000
	Cải tạo phòng thư viện thông minh, bổ sung một số trang thiết bị (Máy tính bảng, bàn ghế thông minh, sofa, kệ sách truyện, sơn vẽ tường, thảm lót)	205.000.000

Kế toán

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Cẩm Nhung

Nhà Bè, ngày 02 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Mộng Ngọc

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON MẠ NON

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 001/QĐ-TMNMN của Trường Mầm non Mạ Non ngày 02 tháng 01 năm 2023 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm Non Mạ Non

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Dự toán thu	2.521.595.000
I	Thu học phí	351.900.000
1	Thu tiền học phí theo qui định	350.100.000
	Học phí công lập (50hs x 120.000đ/th x 9th)	54.000.000
	Học phí công lập (329hs x 100.000đ/th x 9th)	296.100.000
2	2. Thu cấp bù MGHP theo CV liên số 3841-2016 năm học (2022-2023) (02 HS nghèo)	1.800.000
II	Thu thỏa thuận	2.169.695.000
2.1	Tổ chức phục vụ bán trú (381hs x 130.000đ/th x 9th)	432.900.000
2.2	Thiết bị vật dụng bán trú (381hs x 160.000đ/năm)	60.960.000
2.3	Tiền vệ sinh bán trú (381hs x 20.000đ/th x 9th)	68.580.000
2.4	Tiền phục vụ ăn sáng (381hs x 100.000đ/th x 9th)	342.900.000
2.5	Tiền tiếng anh với người bản xứ (250hs x 250.000đ/th x 8th)	500.000.000
2.6	Tiền nhíp điều (320hs x 50.000đ/th x 9th)	144.000.000
2.7	Tiền vẽ (310hs x 50.000đ/th x 9th)	139.500.000
2.8	Tiền tổ chức phục vụ bán trú hè (Nhà trẻ: 50hs x 1.300.000đ/th, Mẫu giáo: 175hs x 1.000.000đ/th)	480.000.000
2.9	Thu lãi ngân hàng	855.000
B	Dự toán chi	2.521.595.000
I	Chi từ thu học phí	351.900.000
	Trích 40% chi cải cách tiền lương	140.760.000
	Chi tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng (68-161)	63.000.000
	Chi BHXH 17%, BHYT 3%, BHTNLD 0,5%, BHTN 1%, KPCĐ 2%	14.805.000
	Chi phụ cấp y tế trường học (20% theo lương ngạch bậc, PCCV)	7.187.760
	Chi khác: Chi gom rác thải	12.000.000
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	35.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: chi mua hàng hóa, vật tư; chi hoạt động chuyên môn, chi khác (KSK học sinh, quà phát thưởng, làm sân khấu, dù che sự kiện)	38.500.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Chi mua in ấn, pho to, sách, tài liệu	10.000.000
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	30.000.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	647.240
II	Chi từ nguồn thu thỏa thuận	2.169.695.000
1	Tổ chức phục vụ bán trú (381hs x 130.000đ/th x9th)	432.900.000
1.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	8.658.000
1.2	Trích 98% doanh thu chi hoạt động	424.242.000
a	Chi trực tiếp	349.030.500
	Chi tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng, ND(68-161)	145.084.210
	Chi BHXH 17%, BHYT 3%, BHTNLĐ 0,5%, BHTN 1%, KPCĐ 2%	34.094.790
	Chi trả NV, giáo viên trực tiếp	156.864.500
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	4.000.000
	Chi mua in ấn, pho to, sách, tài liệu	4.000.000
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	4.000.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	987.000
b	Chi quản lý	75.211.500
	Chi phụ cấp: CB, GV, NV quản lý	75.211.500
2	Thiết bị vật dụng bán trú (381hs x 160.000đ/năm)	60.960.000
2.	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	1.219.200
2.2	Trích 98% chi mua đồ dùng, trang thiết bị phục vụ học sinh bán trú	59.740.800
	Mua sắm CCDC đồ dùng, trang thiết bị phục vụ học sinh bán trú	59.740.800
3	Tiền vệ sinh bán trú (381hs x 20.000đ/th x 9th)	68.580.000
3.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	1.371.600
3.2	Trích 98% chi mua đồ dùng vệ sinh	67.208.400
4	Tiền phục vụ ăn sáng (381hs x 100.000đ/th x9th)	342.900.000
4.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	6.858.000
4.2	Trích 98% doanh thu chi hoạt động	336.042.000
a	Chi trực tiếp	293.376.000
	Chi tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng, ND(68-161)	45.000.000
	Chi BHXH 17%, BHYT 3%, BHTNLĐ 0,5%, BHTN 1%, KPCĐ 2%	10.575.000
	Chi trả NV, giáo viên trực tiếp	202.581.000
	Chi tiền điện	5.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Chi tiền nước	5.000.000
	Chi khác: Chi mua cây trồng, đất và phân bón, gom rác thải, xét nghiệm nước, in bì thư	10.000.000
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	7.000.000
	Chi trả tiền cước phí điện thoại, internet	2.000.000
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	5.500.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	720.000
b	Chi quản lý	42.666.000
	Chi phụ cấp CB, NV quản lý	42.666.000
5	Tiền tiếng anh với người bản xứ (250hs x 250.000đ/th x 8th)	500.000.000
5.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	10.000.000
5.2	Trích 98% doanh thu chi hoạt động	490.000.000
a	Chi trực tiếp	477.400.000
	Chi trả trung tâm giảng dạy	441.080.000
	Chi tiền điện	5.000.000
	Chi tiền nước	11.320.000
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	5.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: Chi mua hàng hóa, vật tư, chi hoạt động chuyên môn, chi khác (KSK học sinh, quà phát thưởng, làm sân khấu, dù che sự kiện)	5.000.000
	Chi mua in ấn, pho to, sách, tài liệu	5.000.000
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	4.500.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	500.000
b	Chi quản lý	12.600.000
	Chi phụ cấp: CB, GV, NV quản lý	12.600.000
6	Tiền nhíp điệu (320hs x 50.000đ/th x 9th)	144.000.000
6.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	2.880.000
6.2	Trích 98% doanh thu chi hoạt động	141.120.000
a	Chi trực tiếp	126.720.000
	Chi trả trung tâm giảng dạy	100.800.000
	Chi tiền nước	7.000.000
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	5.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: chi mua hàng hóa, vật tư; chi hoạt động chuyên môn, chi khác (KSK học sinh, quà phát thưởng, làm sân khấu, dù che sự kiện)	5.420.000
	Chi trả tiền cước phí điện thoại, internet	3.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	5.000.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	500.000
b	Chi quản lý	14.400.000
	Chi phụ cấp: CB, GV, NV quản lý	14.400.000
7	Tiền vế (310hs x 50.000đ/th x 9th)	139.500.000
7.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	2.790.000
7.2	Trích nộp thuế môn bài	1.000.000
7.3	Trích 98% doanh thu chi hoạt động	135.710.000
a	Chi trực tiếp	121.760.000
	Chi trả trung tâm giảng dạy	97.650.000
	Chi tiền điện	6.610.000
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	5.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: chi mua hàng hóa, vật tư; chi hoạt động chuyên môn, chi khác (KSK học sinh, quà phát thưởng, làm sân khấu, dù che sự kiện)	5.000.000
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	5.000.000
	Chi gia hạn phần mềm	2.000.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	500.000
b	Chi quản lý	13.950.000
	Chi phụ cấp: CB, GV, NV quản lý	13.950.000
8	Tiền tổ chức phục vụ bán trú hè (Nhà trẻ: 50hs x 1.300.000đ/th, Mẫu giáo: 175hs x 1.000.000đ/th)	480.000.000
8.1	Trích 2% doanh thu nộp thuế TNDN	9.600.000
8.2	Trích 98% doanh thu chi hoạt động	470.400.000
a	Chi trực tiếp	411.459.000
	Chi tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng, ND(68-161)	84.547.368
	Chi BHXH 17%, BHYT 3%, BHTNLD 0,5%, BHTN 1%, KPCĐ 2%	19.868.632
	Chi trả NV, giáo viên trực tiếp	218.303.000
	Chi tiền điện	15.000.000
	Chi tiền nước	20.000.000
	Chi khác: Chi mua cây trồng, đất và phân bón, gom rác thải, xét nghiệm nước, in bì thư	4.000.000
	Chi mua văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng, vật tư văn phòng khác	16.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: chi mua hàng hóa, vật tư; chi hoạt động chuyên môn, chi khác (KSK học sinh, quà phát thưởng, làm sân khấu, dù che sự kiện)	15.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Chi mua in ấn, pho to, sách, tài liệu	3.000.000
	Chi sửa chữa (máy tính, máy in, máy scan, máy photo, camera, thang máy, máy lạnh)	15.000.000
	Chi phí khác: Phí quản lý tài khoản, dịch vụ SMS, phí chuyển khoản	740.000
b	Chi quản lý	58.941.000
	Chi phụ cấp: CB, GV, NV quản lý	58.941.000
9	Thu lãi ngân hàng	855.000
9.1	Trích 5% doanh thu nộp thuế TNDN	42.750
9.2	Trích nộp 40% CCTL học phí	324.900
9.3	Trích quỹ PTHĐSN	487.350

Kế toán
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Cẩm Nhung

Nhà Bè, ngày 02 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Mộng Ngọc

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON MẠ NON

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN THU HỘ CHI HỘ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 001/QĐ-TMNMN của Trường Mầm non Mạ Non ngày 02 tháng 01 năm 2023 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm Non Mạ Non

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Dự toán thu	2.811.780.000
	Thu hộ	2.811.780.000
1	Tiền ăn sáng (381hs x 8.000đ/ngày x 9th)	603.504.000
2	Tiền ăn trưa (381hs x 27.000đ/ngày x 9th)	2.036.826.000
3	Tiền nước uống đóng bình (381hs x 10.000đ/th x 9th)	34.290.000
4	Tiền bảo hiểm tai nạn học sinh (381hs x 30.000đ/năm)	11.430.000
5	Tiền đồ dùng học tập (381hs x 150.000đ/năm)	57.150.000
6	Tiền điện sử dụng máy lạnh (381hs x 20.000đ/th x 9th)	68.580.000
B	Dự toán chi	2.811.780.000
	Chi hộ	2.811.780.000
1	Tiền ăn sáng (381hs x 8.000đ/ngày x 9th)	603.504.000
2	Tiền ăn trưa (381hs x 27.000đ/ngày x 9th)	2.036.826.000
3	Tiền nước uống đóng bình (381hs x 10.000đ/th x 9th)	34.290.000
4	Tiền bảo hiểm tai nạn học sinh (381hs x 30.000đ/năm)	11.430.000
5	Tiền đồ dùng học tập (381hs x 150.000đ/năm)	57.150.000
6	Tiền điện sử dụng máy lạnh (381hs x 20.000đ/th x 9th)	68.580.000

Kế toán

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Cẩm Nhung

Nhà Bè, ngày 02 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Mộng Ngọc